

Bản án số: 67/2026/DS-PT
Ngày 20 - 01 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự về hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng
Ông Lê Thành Tôn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở 1 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 616/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2025/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 675/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị Kim T, sinh năm 19

Địa chỉ: Ấp C, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị Kim T: Chị Dương Thị Như Ý, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp A, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kiều T1, sinh năm 19

2.2. Ông Tôn Văn T2, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kiều T1, ông Tôn Văn T2 là bị đơn trong vụ án.

(Chị Ý, bà T1, ông T2 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đào Thị Kim T do chị Dương Thị Như Ý là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trong các năm 2021-2024, bà T có tổ chức chơi hội và làm chủ hội, vợ chồng ông Tôn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Kiều T1 có tham gia các dây hội do bà T làm chủ hội với loại hội, số hội viên, giá trị dây hội, số phần ông T2 và bà T1 tham gia và số tiền nợ tiền hội của các dây hội như sau:

1. Hội tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 06/6/2023 âm lịch, 26 phần, ông T2 và bà T1 tham gia chơi 02 phần, đã hốt hết 02 phần, còn thiếu lại 8 lần hội chết với số tiền 32.000.000 đồng.

2. Hội tháng 3.000.000 đồng, khai ngày 08/02/2023 âm lịch, 26 phần, ông T2 và bà T1 tham gia 02 phần đã hốt hết 02 phần, còn thiếu 3 lần hội chết với số tiền 18.000.000 đồng.

3. Hội tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 10/10/2023 âm lịch, 27 phần, ông T2 và bà T1 tham gia 02 phần đã hốt hết 02 phần, còn thiếu lại 13 lần hội chết với số tiền 26.000.000 đồng.

4. Hội tháng 5.000.000 đồng, khai ngày 12/8/2023 âm lịch, 27 phần, ông T2 và bà T1 tham gia 03 phần, đã hốt hết 03 phần, còn 11 lần hội chết chưa đóng với số tiền 165.000.000 đồng.

5. Hội tháng 3.000.000 đồng, khai ngày 16/10/2023 âm lịch, 26 phần, ông T2 và bà T1 tham gia 01 phần đã hốt 01 phần, còn 24 lần hội chết với số tiền 72.000.000 đồng.

6. Hội tháng 3.000.000 đồng, khai ngày 18/02/2024 âm lịch, 27 phần, ông T2 và bà T1 tham gia 02 phần đã hốt hết 02 phần, còn 17 lần hội chết chưa đóng với số tiền 102.000.000 đồng.

7. Hội tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 20/02/2023 âm lịch, 26 phần, ông T2 và bà T1 tham gia 02 phần, còn 3 lần hội chết chưa đóng với số tiền 12.000.000 đồng.

8. Hội tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 20/11/2023 âm lịch, 26 phần, ông T2 và bà T1 tham gia 02 phần, đã hốt hết 02 phần, còn thiếu lại 13 lần hội chết chưa đóng với số tiền 26.000.000 đồng.

9. Hội tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 22/11/2023 âm lịch, 26 phần, ông T2 và bà T1 tham gia 02 phần, đã hốt hết 02 phần, còn thiếu lại 13 lần hội chết với số tiền 26.000.000 đồng.

10. Hội tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 22/8/2023 âm lịch, 26 phần, ông T2 và bà T1 tham gia 04 phần đã hốt hết 04 phần, còn thiếu lại 10 lần hội chết với số tiền 80.000.000 đồng.

11. Hụi tháng 2.000.000 đồng, khai ngày 24/02/2024 âm lịch, 26 phần, ông T2 và bà T1 tham gia 02 phần, đã hốt hết 02 phần, còn thiếu lại 16 lần hụi chết với số tiền 64.000.000 đồng.

12. Hụi 03 tháng khai một lần 5.000.000 đồng, khai ngày 09/11/2021 âm lịch, gồm 22 phần, ông T2 và bà T1 tham gia 02 phần, đã hốt hết 02 phần, còn thiếu lại 9 lần hụi chết với số tiền 90.000.000 đồng.

13. Hụi 03 tháng khai một lần 10.000.000 đồng, khai ngày 10/10/2022 âm lịch, gồm 16 phần, ông T2 và bà T1 tham gia 01 phần, đã hốt 01 phần, còn thiếu lại 6 lần hụi chết với số tiền 60.000.000 đồng.

14. Hụi 04 tháng khai một lần 10.000.000 đồng, khai ngày 12/6/2021 âm lịch, gồm 16 phần, ông T2 và bà T1 tham gia 01 phần, đã hốt 01 phần, còn thiếu lại 5 lần hụi chết với số tiền 50.000.000 đồng.

15. Hụi 04 tháng khai một lần 10.000.000 đồng, khai ngày 14/4/2021 âm lịch, gồm 16 phần, ông T2 và bà T1 tham gia 02 phần, đã hốt hết 02 phần, còn thiếu lại 3 lần hụi chết với số tiền 60.000.000 đồng.

16. Hụi 04 tháng khai một lần 10.000.000 đồng, khai ngày 28/4/2022 âm lịch, gồm 16 phần, ông T2 và bà T1 tham gia 02 phần, đã hốt hết 02 phần, còn thiếu lại số tiền 140.000.000 đồng.

Sau khi hốt các dây hụi nêu trên bà T1 và ông T2 không đóng tiền hụi cho bà T với tổng số tiền hụi còn nợ của các dây hụi 1.023.000.000 đồng. Mặc dù, trong sổ hụi để tên bà T1 và một số biên nhận tiền một mình bà T1 ký, thực tế ông T2 biết, số tiền bà T1 hốt hụi sử dụng vào mục đích nhu cầu thiết yếu của gia đình. Sau khi vỡ hụi ông T2 trực tiếp đóng hụi chết cho bà T được 2 tháng với số tiền 121.000.000 đồng thì không đóng tiền hụi nữa, khi vỡ hụi ông T2 cùng với chồng bà T là ông T3 đến Ủy ban nhân dân xã H thỏa thuận trả nợ tiền hụi, ông T2 hứa mỗi mùa lúa trả cho bà T số tiền 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đến ngày 10/3/2025 ông T2 nhắn tin zalo cho bà T “*Bà ráng đi vụ lúa Hè Thu tui gửi cho bà từ 50t đến 100t. Chứ bây giờ tui không có tiền. Mong bà thông cảm*”.

Bà T yêu cầu bà T1 và ông T2 cùng liên đới trả số tiền hụi còn nợ 1.023.000.000 đồng, yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời với hình thức phong tỏa tài sản thừa đất 417, tờ bản đồ số 2, do ông T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T1 trình bày:*

Bà T1 thừa nhận có tham gia các dây hụi với loại hụi, sổ hụi viên, giá trị dây hụi, số phần hụi tham gia trong từng dây hụi và số tiền nợ hụi của các dây hụi như bà Đào Thị Kim T trình bày, bà T1 thừa nhận còn nợ tổng số tiền

hụi của bà T 1.023.000.000 đồng. Khi tham gia các dây hụi nêu trên chỉ một mình bà T1 tham gia chơi hụi, còn ông T2 không biết, số tiền hốt hụi sử dụng đóng hụi chết cho bà T, ông T2 chỉ tham gia chơi một phần hụi do bà T làm chủ hụi, loại hụi mùa, 04 tháng khui hụi một lần 10.000.000 đồng, khui ngày 28/4/2022 âm lịch, gồm 16 phần, tham gia 02 phần (trong đó bà T1 01 phần, ông T2 01 phần), khi tham gia hụi có danh sách hụi ông T2 chơi nhưng ghi tên bà T1, dây hụi này ông T2 và bà T1 đã hốt xong 02 phần, đến nay còn nợ bà T số tiền 140.000.000 đồng (trong đó bà T1 nợ 70.000.000 đồng, ông T2 nợ 70.000.000 đồng). Bà T1 thừa nhận sau khi vỡ hụi ông T2 đóng hụi chết cho bà T được 2 tháng với số tiền 121.000.000 đồng, đến nay không đóng nữa, khi vỡ hụi ông T2 cùng chồng bà T là ông T3 đến Ủy ban nhân dân xã H thỏa thuận trả tiền nợ hụi, ông T2 hứa mỗi mùa lúa trả cho bà T số tiền hụi còn nợ 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bà T1 đồng ý trả cho bà T số tiền hụi còn nợ 1.023.000.000 đồng. Đối với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà T thì bà T1 không có ý kiến gì.

- *Bị đơn ông Tôn Văn T2 trình bày:*

Ông T2 không đồng ý theo lời trình bày của bà Đào Thị Kim T, ông T2 chỉ tham gia chơi một phần hụi do bà T làm chủ hụi, loại hụi mùa, 04 tháng khui hụi một lần 10.000.000 đồng, khui ngày 28/4/2022 âm lịch, gồm 16 phần, tham gia chơi 02 phần (trong đó bà T1 01 phần, ông T2 01 phần), khi tham gia hụi có danh sách hụi ông T2 chơi nhưng ghi tên bà T1, dây hụi này ông T2 và bà T1 đã hốt xong 02 phần, ông T2 nhận tiền và ký tên người hốt hụi, còn nợ bà T số tiền hụi 140.000.000 đồng (trong đó bà T1 nợ 70.000.000 đồng, ông T2 nợ 70.000.000 đồng). Ông T2 và bà T1 còn chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn, việc bà T1 chơi hụi với bà T và số tiền bà T1 sử dụng vào mục đích gì ông T2 không biết. Khi bà T1 vỡ hụi ông T2 cùng với chồng bà T là ông T3 đến Ủy ban nhân dân xã H thì ông T3 nói bà T1 nợ tiền hụi, yêu cầu ký nhận nợ ông T2 không ký, ông T2 thừa nhận ngày 10/3/2025 có nhắn tin zalo cho bà T “*Bà ráng đi vụ lúa Hè Thu tui gửi cho bà từ 50t đến 100t. Chứ bây giờ tui không có tiền. Mong bà thông cảm*”. Sau khi bà T1 vỡ hụi ông T2 nghĩ bà T1 là vợ nên đứng ra thỏa thuận đóng hụi chết cho bà T được 2 tháng với số tiền 121.000.000 đồng.

Ông T2 đồng ý trả cho bà T số tiền hụi còn nợ 70.000.000 đồng, không đồng ý với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà T với hình thức phong tỏa tài sản đối với thửa đất nêu trên, vì đây là tài sản của cá nhân ông T2.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2025/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim T đối với bà Nguyễn Thị Kiều T1 và ông Tôn Văn T2.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T1 và ông Tôn Văn T2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đào Thị Kim T số tiền hui còn nợ là 1.023.000.000 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 06/2025/QĐ-BPKCTT ngày 23/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp) về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ để đảm bảo thi hành án. Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 06/2025/QĐ-BPKCTT ngày 23/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp) trong quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Đào Thị Kim T được nhận lại toàn bộ số tiền đã nộp là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện T (nay là Ngân hàng N1 - Chi nhánh T5) theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 02/2025/QĐ-BPBD, ngày 23/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kiều T1 và ông Tôn Văn T2 phải nộp 42.690.000 đồng (Bốn mươi hai triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đào Thị Kim T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền là 21.345.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0007248, ngày 20/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Đồng Tháp).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, bà Nguyễn Thị Kiều T1 và ông Tôn Văn T2 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2025/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp. Bà T1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm trừ số tiền 121.000.000 đồng ông T2 trả nợ giúp bà T1, việc chơi hụi không liên quan đến ông T2, không buộc ông T2 cùng trả nợ với bà T1. Ông T2 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị Kim T, buộc ông T2 liên đới cùng bà T1 trả số tiền hụi 1.023.000.000 đồng, H bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 06/2025/QĐ-BPKCTT ngày 23/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kiều T1 trình bày: Vẫn giữ kháng cáo, số tiền hốt các dây hụi của bà Đào Thị Kim T thì ông Tôn Văn T2 không biết, số tiền hốt hụi tiêu xài cá nhân, đi du lịch, không phục vụ sinh hoạt gia đình, khi vỡ hụi ông T2 có trả cho bà T 121.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm chưa trừ số tiền này vào số tiền hụi còn nợ 1.023.000.000 đồng và không đồng ý buộc ông T2 có nghĩa vụ cùng trả nợ cho bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Ông Tôn Văn T2 trình bày: Vẫn giữ kháng cáo, ông T2 không biết việc bà Nguyễn Thị Kiều T1 tham gia chơi hụi của bà Đào Thị Kim T, số tiền bà T1 hốt hụi trả nợ riêng, không đem về phục vụ gia đình, ông không tham gia khai hụi và nhận tiền các dây hụi bà T1 chơi với bà T, ông chỉ tham gia một dây hụi, còn nợ 70.000.000 đồng, khi bà T1 vỡ hụi ông có trả cho bà T số tiền 121.000.000 đồng. Thửa đất 417, tờ bản đồ số 2, diện tích 7.326,5m² do ông T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp của cá nhân ông, không phải là tài sản chung của vợ chồng, hiện nay ông T2 và bà T1 không còn sống chung nhưng chưa ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Chị Dương Thị Như Ý là người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị Kim T trình bày: Không thống nhất kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kiều T1, ông Tôn Văn T2. Sau khi vỡ hụi ông T2 có trả cho bà T số tiền 121.000.000 đồng, số tiền này được trừ xong vào các dây hụi mà T1 và ông T2 tham gia chơi hụi, bà T1 thừa nhận còn nợ bà T số tiền 1.023.000.000 đồng, ông T2 nhắn tin zalo cho bà T hứa trả mỗi vụ lúa từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, ông T2 và bà T1 là vợ chồng và ông T2 chuyển nhượng đất nhằm tẩu tán tài sản không thực hiện trả nợ. Tại phiên tòa bà T, chị Ý là người đại diện của bà T đồng ý trừ số tiền 121.000.000 đồng vào số tiền 1.023.000.000 đồng, số tiền hụi còn lại 902.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kiều T1, không chấp nhận kháng cáo của ông Tôn Văn T2, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2025/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kiều T1, ông Tôn Văn T2 nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng dân sự về hui” thụ lý giải quyết phù hợp khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà T1 yêu cầu trừ số tiền 121.000.000 đồng ông T2 trả nợ giúp bà T1, việc chơi hui không liên quan đến ông T2, không buộc ông T2 cùng trả nợ với bà T1.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà T yêu cầu bà T1 và ông T2 cùng liên đới trả số tiền hui còn nợ 1.023.000.000 đồng, yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời với hình thức phong tỏa tài sản thừa đất 417, tờ bản đồ số 2, do ông T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự, giữa bà T với bà T1 và ông T2 tham gia chơi hui với nhau, căn cứ vào các hợp đồng góp vốn xoay vòng, biên nhận do bà T cung cấp bà T1 tham gia chơi 16 dây hui do bà T làm chủ hui, bà T1 thừa nhận còn nợ tiền

hụi của bà T số tiền 1.023.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền 1.023.000.000 đồng cho bà T. Do đó, yêu cầu của bà T là có cơ sở.

Bà T1 cho rằng chỉ một mình tham gia chơi hụi, ông T2 không biết, ông T2 tham gia một dây hụi do bà T làm chủ hụi, ông T2 còn nợ bà T 70.000.000 đồng. Tại biên bản đối chất và biên bản lấy lời khai bà T1 trình bày ông T2 có tham gia chơi hụi với bà T, ông T2 biết còn nợ bà T số tiền hụi 1.023.000.000 đồng, ông T2 cùng với ông T3 là chồng bà T đến Ủy ban nhân dân xã H thỏa thuận trả tiền nợ hụi và ông T2 hứa mỗi mùa lúa trả cho bà T số tiền 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, khi bà T1 vỡ hụi ông T2 đóng tiền hụi cho bà T được 2 tháng số tiền 121.000.000 đồng và ông T2 nhắn tin zalo cho bà T “*Bà ráng đi vụ lúa Hè Thu tui gửi cho bà từ 50t đến 100t. Chứ bây giờ tui không có tiền. Mong bà thông cảm*”. Từ đó cho thấy ông T2 và bà T1 tham gia chơi hụi với bà T, ông T2 và bà T1 là vợ chồng, số tiền hụi sử dụng vào mục đích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên ông T2 có nghĩa vụ cùng bà T1 liên đới trả tiền nợ hụi cho bà T là phù hợp.

Sau khi vỡ hụi ông T2 có đóng tiền hụi cho bà T 121.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm không trừ vào số tiền 1.023.000.000 đồng là chưa phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T, chị Ý là người đại diện của bà T đồng ý trừ số tiền 121.000.000 đồng vào số tiền 1.023.000.000 đồng, số tiền hụi còn lại 902.000.000 đồng. Do đó, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng tự nguyện của đương sự.

[2.2] Xét kháng cáo của ông T2 yêu cầu giải quyết không chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc ông T2 liên đới cùng bà T1 trả số tiền hụi 1.023.000.000 đồng, H bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 06/2025/QĐ-BPKCTT ngày 23/5/2025.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông T2 cho rằng không biết bà T1 chơi hụi với bà T, không đồng ý liên đới trả cho bà T số tiền hụi bà T1 còn nợ, chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền hụi còn nợ 70.000.000 đồng và không đồng ý với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà T với hình thức phong tỏa tài sản đối với thửa đất 417, tờ bản đồ số 2, đất tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, vì đây là tài sản của cá nhân ông T2.

Bà T1 trình bày ông T2 biết bà T1 còn nợ bà T số tiền hụi 1.023.000.000 đồng, tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2025 ông T2 trình bày “*có tham gia chơi một chân hụi do bà Đào Thị Kim T là chủ hụi loại hụi mùa (4 tháng) khui hụi một lần 10.000.000 đồng, khui ngày 28/4/2022 âm lịch, gồm 16 phần tham gia chơi 2 phần (trong đó bà T1 01 phần, tôi 01 phần), vợ chồng tôi đã hốt xong hai phần, đến nay còn nợ bà T số tiền*

140.000.000 đồng (trong đó vợ tôi còn nợ bà T số tiền 70.000.000 đồng, tôi còn nợ bà T số tiền 70.000.000 đồng”. Khi bà T1 không đóng tiền hui thì ông T2 trực tiếp đóng tiền hui cho bà T được 2 tháng với số tiền 121.000.000 đồng, ông T2 thừa nhận có nhắn tin zalo cho bà T “Bà ráng đi vụ lúa Hè Thu tui gửi cho bà từ 50t đến 100t. Chứ bây giờ tui không có tiền. Mong bà thông cảm”. Như vậy, ông T2 biết bà T1 tham gia chơi hui, còn nợ tiền hui của bà T, ông T2 và bà T1 là vợ chồng, nên ông T2 có nghĩa vụ liên đới cùng bà T1 trả số tiền hui còn nợ cho bà T là phù hợp.

Thửa đất 417, tờ bản đồ số 2, do ông T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/11/2024, đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân, thời điểm này ông T2 và bà T1 vẫn còn sống chung. Trong quá trình giải quyết bà T phát hiện ông T2 tẩu tán tài sản, ông T2 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất 417, tờ bản đồ số 2, diện tích 7.326,5m² cho ông Tôn Văn T4 và bà Trần Kim N vào ngày 16/5/2025, cùng ngày 16/5/2025 bà T có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với thửa đất 417, tờ bản đồ số 2, Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục duy trì Quyết định số: 06/2025/QĐ-BPKCTT ngày 23/5/2025 áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” thửa đất 417, tờ bản đồ số 2 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 06/2025/QĐ-BPKCTT ngày 23/5/2025 bị hủy bỏ và khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà T được nhận lại 50.000.000 đồng tại Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện T theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 02/2025/QĐ-BPBD, ngày 23/5/2025 là chưa phù hợp.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy chấp nhận một phần kháng cáo của bà T1, không chấp nhận kháng cáo của ông T2, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2025/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà T1 được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí; kháng cáo của ông T2 không được chấp nhận phải chịu án phí.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kiều T1.
2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Tôn Văn T2.
3. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2025/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp.
- 3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Kim T đối với bà Nguyễn Thị Kiều T1 và ông Tôn Văn T2.

Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T1 và ông Tôn Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đào Thị Kim T số tiền hui còn nợ 902.000.000 đồng (Chín trăm lẻ hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 06/2025/QĐ-BPKCTT ngày 23/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp) về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ để đảm bảo thi hành án.

3.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kiều T1 và ông Tôn Văn T2 phải liên đới chịu 39.060.000 đồng (Ba mươi chín triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đào Thị Kim T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.345.000 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0007248, ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Đồng Tháp).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kiều T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002399, ngày 12/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Ông Tôn Văn T2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002401, ngày 12/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KT - TT & THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 11 - Đồng Tháp;
- Phòng THADS khu vực 11 - Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu: VT, TDS, HSVA (Dữ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Chí Dũng